

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
và tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Phan Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh L - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T.

Địa chỉ: Khóm Z, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà M, ông L có mặt tại phiên tòa. Ông L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông L chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/7/2013. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông L có một con chung là Lê Thị Như Y (sinh ngày 11/12/2007). Hiện nay cháu Như Y đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như Y, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có căn nhà mua lại của mẹ ruột với giá là 6.000.000đ, tủ áo mua giá 2.200.000đ, tủ lạnh mua giá 1.500.000đ, bếp gas mua giá 1.200.000đ. Tuy nhiên, khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Bà M và ông L có vay Ngân hàng C, số tiền 20.000.000đ. Khi ly hôn bà M yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ. Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ ai khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M xác định ngày 18/7/2019 đã trả cho Ngân hàng C được 1.000.000đ, chỉ còn nợ lại số tiền là 19.000.000đ; đồng thời bà đề nghị ông L có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000đ trong khoản tiền vay còn nợ ở Ngân hàng, phần nợ vốn và lãi còn lại bà đồng ý trả cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông và bà M chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn đúng như bà M trình bày. Hiện nay, ông không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ, khi Như Y đủ 18 tuổi thì ông mới đồng ý ly hôn với bà M.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông có ý kiến như sau:

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung đúng như bà M trình bày. Ngoài ra, theo ông L thì còn có các tài sản chung khác như 01 nền nhà ở xã Phú Thành B trị giá 20.000.000đ, 08 con heo trị giá 15.000.000đ và 08 lượng vàng 24K. Tại phiên tòa hôm nay, ông L thống nhất giao toàn bộ đàn heo cho bà M được sở hữu. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Ông L thừa nhận có vay Ngân hàng C số tiền 10.000.000đ, đối với số tiền vay còn nợ Ngân hàng ông L thống nhất trả 5.000.000đ, phần còn lại bà M có trách nhiệm trả. Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ ai khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà M và ông L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 20.000.000đ và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi hết nợ.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt thì Ngân hàng yêu cầu bà M và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000đ (do vào ngày 18/7/2019 bà M đã trả được số tiền 1.000.000đ) và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc ly hôn và nuôi con. Về phần tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà M và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000đ (trong đó phần bà M là 14.000.000đ, phần ông L là 5.000.000đ) và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà M khởi kiện xin ly hôn với ông L; Ngân hàng C yêu cầu bà M và ông L phải trả số tiền vay còn nợ là vụ án dân sự và bị đơn ông Lê Văn L hiện nay đang cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 03/7/2013 do đó hôn nhân giữa bà M và ông L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo bà M và ông L đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng 03 tháng nay.

Tại phiên Tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy: Trước đây, bà M đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó vợ chồng hàn gắn lại với nhau. Hiện nay, bà M tiếp tục yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên nhưng bà M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Bà M và ông L đã ly thân với nhau từ khoảng 03 tháng nay nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống thì bà M và ông L có 01 người con chung là Lê Thị Như Y (Sinh ngày 11/12/2007), hiện cháu đang sống chung với bà M. Khi ly hôn bà M và ông L đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu Y đang sống chung với bà M. Theo ý kiến của cháu Y thì trong trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống với mẹ. Xét điều kiện chỗ ở hiện nay của bà M cũng tốt hơn so với ông L, vì vậy để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu Y, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Y cho bà M được tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà M không có yêu cầu).

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 14 con heo, 01 nền nhà và 08 chỉ vàng 24K, Tòa án đã ra Thông báo cho ông nộp tiền tạm ứng án phí tuy nhiên ông không nộp. Tại phiên tòa hôm nay, ông L và bà M không yêu cầu về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các khoản tiền vay của vợ chồng bà M, ông L ở Ngân hàng C là vay hộ gia đình, ông L có ký giấy ủy quyền cho bà M vay nợ. Vì vậy, không chấp nhận lời trình bày của ông L về việc không có trách nhiệm về khoản tiền vay 12.000.000đ (vay theo chương trình nước sạch). Tại phiên tòa hôm nay, bà M và ông L thống nhất trả cho Ngân hàng C huyện T số tiền gốc là 19.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 31/7/2019 là 57.056đ, trong đó phần bà M là 14.057.056đ, phần ông L là 5.000.000đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà M và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ và lãi theo hợp đồng là phù hợp.

[6] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà M, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lê Văn L.

2/ Về con chung:

Giao cháu Lê Thị Như Y (sinh ngày 17/5/2008) cho bà Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con (do người trực tiếp nuôi con không có yêu cầu).

Ông L được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Như Y, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà M, ông L. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi 19.057.056đ (trong đó phần bà M là 14.057.056đ, phần ông L là 5.000.000đ).

Đồng thời, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L còn phải tiếp tục chịu lãi theo các khế ước vay vốn số 6600000709809523 ngày 18/3/2017 và 6600000709844478 ngày 20/3/2017 kể từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả xong số tiền vay.

5/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số BH/2018/0000360 ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới nộp 476.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang